

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2016 (đợt 8)
cho các đơn vị trực thuộc Bộ**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 206/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-BKHHCN ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng nhân lực quản lý nhà nước, nghiên cứu-triển khai và hỗ trợ kỹ thuật năm 2016 phục vụ phát triển điện hạt nhân;

Căn cứ các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và phê duyệt kinh phí của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về Nghị định thư, Chương trình hợp tác song phương - đa phương, nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Quỹ gen;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 11547/BTC-HCSN ngày 18 tháng 8 năm 2016 về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2016 (đợt 3);

Theo đề xuất của Vụ Kế hoạch-Tổng hợp tại Công văn số 322/KHTH ngày 30 tháng 8 năm 2016 về việc giao bổ sung chi dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2016 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, đảm bảo đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định, trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ để làm căn cứ giải ngân nguồn kinh phí được giao theo ý kiến thẩm tra của Bộ Tài chính tại Công văn số 11547/BTC-HCSN ngày 18 tháng 8 năm 2016.

Điều 3. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao và dự toán ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tổng hợp, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, TC.



KT. BỘ TRƯỞNG
KHOA HOCHUATRUONG

Trần Việt Thanh



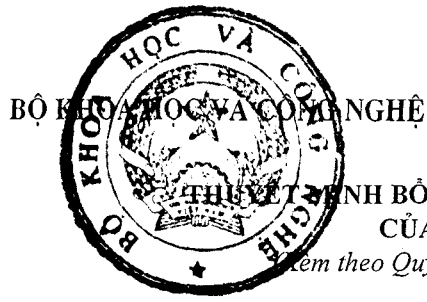
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**QUY ĐỊNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (ĐỢT 8)**

*Thực hiện theo Quyết định số 26.26/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã nguồn Tabmis	Tổng số	Chi tiết theo các đơn vị sử dụng	
				Văn phòng các Chương trình KH&CN quốc gia	Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước
A	B	C	D=1 đến 2	1	2
	DỰ TOÁN CHI NSNN		95.843,0	7.848,0	87.995,0
A	CHI THƯỜNG XUYÊN		95.843,0	7.848,0	87.995,0
I	Nghiên cứu khoa học		95.843,0	7.848,0	87.995,0
<i>1.1</i>	<i>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 370-371)</i>		<i>95.843,0</i>	<i>7.848,0</i>	<i>87.995,0</i>
<i>a</i>	<i>Vốn trong nước</i>		<i>95.843,0</i>	<i>7.848,0</i>	<i>87.995,0</i>
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		95.843,0	7.848,0	87.995,0
	- Kinh phí được giao khoán				
	- Kinh phí không được giao khoán	16	95.843,0	7.848,0	87.995,0
2	Kinh phí thường xuyên		-		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	13			
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12			
3	Kinh phí không thường xuyên		-		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	-		
<i>1.2</i>	<i>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn (Loại 370-372)</i>		<i>-</i>		
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		-		
	- Kinh phí thực hiện khoán		-		
	- Kinh phí không thực hiện khoán	16	-		
	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH			1115577	1030031
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch:			KBNN Thành phố Hà Nội	KBNN Thành phố Hà Nội
	Mã Kho bạc nhà nước			0011	0011



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**PHƯƠNG ANH BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (ĐỢT 8)**

*Kèm theo Quyết định số 2626/QĐ-BKH&CN ngày 14 tháng 9 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số dự toán phân bổ cho các đơn vị	Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia	Văn phòng các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước
A	B	C=1 đến 2	1	2
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	95.843,0	7.848,0	87.995,0
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	95.843,0	7.848,0	87.995,0
I	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC	95.843,0	7.848,0	87.995,0
I.1	VỐN TRONG NƯỚC	95.843,0	7.848,0	87.995,0
I.1.1	KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	95.843,0	7.848,0	87.995,0
A	<i>Cấp Nhà nước</i>	95.843,0	7.848,0	87.995,0
1	Đề tài, nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia	57.845,0		57.845,0
2	Nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển nguồn gen	15.800,0		15.800,0
3	Các đề tài, dự án thuộc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước	14.350,0		14.350,0
4	Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia	3.348,0	3.348,0	
5	Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020	4.500,0	4.500,0	
B	<i>Cấp Bộ</i>			
I.1.2	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN			
I.1.3	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN			
I.2	VỐN NGOÀI NƯỚC			
	<i>Cộng kinh phí sự nghiệp khoa học</i>			
	Trong đó: + Vốn trong nước	95.843,0	7.848,0	87.995,0
1	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ</i>	95.843,0	7.848,0	87.995,0
	- Kinh phí thực hiện khoán			
	- Kinh phí không thực hiện khoán	95.843,0	7.848,0	87.995,0
2	<i>Kinh phí thường xuyên</i>			
	- Kinh phí thực hiện tự chủ			
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ			
3	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>			
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ			
	+ Vốn ngoài nước			
	TỔNG CỘNG	95.843,0	7.848,0	87.995,0

GIẤY BỐ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 8)



Văn phòng các Chương trình KH&CN quốc gia

(Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-BKH&CN ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí	Tổng số	Ghi chú
1	2	3	4	5
	DỰ TOÁN CHI NSNN		7.848	
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			
B	CHI THƯỜNG XUYÊN		7.848	
I	Nghiên cứu khoa học		7.848	
<i>I.1</i>	<i>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 370-371)</i>		7.848	
<i>a</i>	<i>Vốn trong nước</i>		7.848	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		7.848	
	- Kinh phí được giao khoán			
	- Kinh phí không được giao khoán	16	7.848	
2	Kinh phí thường xuyên			
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	13		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12		
3	Kinh phí không thường xuyên			
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12		
	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH		1115577	
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch:		KBNN Thành phố Hà Nội	
	Mã Kho bạc nhà nước		0011	

✓



**THUYẾT MINH GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2016 (ĐỢT 8)**

Của Văn phòng các Chương trình KH&CN quốc gia

(Kèm theo Quyết định số: 2626/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
1	2	3
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	7.848
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	7.848
I	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC	7.848
I.1	VỐN TRONG NƯỚC	7.848
I.1.1	KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	7.848
A	Cấp Nhà nước	7.848
1	Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia	3.348
2	Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KHCN đến năm 2020	4.500
B	Cấp Bộ	
I.1.2	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	
1	<i>Quỹ lương và hoạt động bộ máy theo chỉ tiêu biên chế</i>	
2	<i>Hoạt động thường xuyên theo chức năng</i>	
I.1.3	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	
I.2	VỐN NGOÀI NƯỚC	
	<i>Cộng kinh phí sự nghiệp khoa học</i>	
	Trong đó: + Vốn trong nước	7.848
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	7.848
	- Kinh phí thực hiện khoán	
	- Kinh phí không thực hiện khoán	7.848
2	Kinh phí thường xuyên	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	
3	Kinh phí không thường xuyên	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	+ Vốn ngoài nước	
	TỔNG CỘNG	7.848

✓



**PHÂN BỐ KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA**

CỦA: VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số 2626/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện		Tổng kinh phí NSNN	Kinh phí đã cấp đến hết năm 2015	Kinh phí năm 2016	Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc				
I	Dự án KH&CN "Công nghệ sản xuất vắc-xin phòng bệnh cúm A/H5N1 cho gia cầm	Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương NAVETCO			8.156		3.348	
1	Nghiên cứu tạo giống gốc để sản xuất vắc-xin cúm A/H5N1	Viện Công nghệ sinh học	2016	2018	8.156	-	3.348	Quyết định số 1963/QĐ-BKHCN ngày 14/7/2016
	TỔNG				8.156	-	3.348	

✓



**PHÂN BỐ KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC NGHIÊN CỨU SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2020
CỦA: VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

(Kèm theo Quyết định số 2626/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Mã số, Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện (tháng)	Tổng kinh phí từ NSNN	Kinh phí cấp năm 2016	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Nhiệm vụ Song phương đa phương					
1.	Đặc điểm dịch tễ học, gánh nặng bệnh tật liên quan đến nhiễm HPV ở Việt Nam	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, Bộ Y tế; GS.TS Đặng Đức Anh	30	3.670	1.500	<i>QĐ phê duyệt kinh phí số 1838/QĐ-BKHCN ngày 01/7/2016</i>
2.	Phân tích dược động học - dược lực học để lựa chọn liều điều trị tối ưu cho bệnh nhân lao phổi điều trị thất bại và tái phát	Khoa Y Dược, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội; PGS.TS. Lê Thị Luyên	32	3.850	1.500	<i>QĐ phê duyệt kinh phí số 1838/QĐ-BKHCN ngày 01/7/2016</i>
3.	Đánh giá thực trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn tại Việt Nam, xác định đặc điểm cấu trúc gen và yếu tố liên quan của các vi khuẩn kháng thuốc thường gặp ở Việt Nam	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, Bộ Y tế; TS Trần Huy Hoàng	30	3.820	1.500	<i>QĐ phê duyệt kinh phí số 2295/QĐ-BKHCN ngày 15/8/2016</i>
	Tổng Cộng			11.340	4.500	

GIẤY BỐ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016 (ĐỢT 8)



Của: **Đơn vị thực hiện các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước**
 (Kèm theo Quyết định số: 2626/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016
 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí	Tổng số	Ghi chú
1	2	3	4	5
	DỰ TOÁN CHI NSNN		87.995	
B	CHI THƯỜNG XUYÊN		87.995	
I	Nghiên cứu khoa học		87.995	
<i>I.1</i>	<i>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 370-371)</i>		<i>87.995</i>	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		87.995	
	- Kinh phí được giao khoán			
	- Kinh phí không được giao khoán	16	87.995	
2	Kinh phí thường xuyên			
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	13		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12		
3	Kinh phí không thường xuyên			
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12		
<i>I.2</i>	<i>Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn (Loại 370-372)</i>			
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Kinh phí thực hiện khoán			
	- Kinh phí không thực hiện khoán	16		
	MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH		1030031	
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch:		KBNN Thành phố Hà Nội	
	Mã Kho bạc nhà nước		0011	

✓



**THUYẾT MINH GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2016 (ĐỢT 8)**

Của: Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước
(Kèm theo Quyết định số: 2626/QĐ-BKH&CN ngày 14 tháng 9 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
1	2	3
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	87.995
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	87.995
I	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC	87.995
I.1	VỐN TRONG NƯỚC	87.995
I.1.1	KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	87.995
A	<i>Cấp Nhà nước</i>	87.995
1	Các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển quỹ gen	15.800
2	Đề tài, nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia	57.845
3	Các đề tài, dự án thuộc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước	14.350
B	<i>Cấp Bộ</i>	
I.1.2	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	
1	<i>Quỹ lương và hoạt động bộ máy theo chỉ tiêu biên chế</i>	
1.1	Tổng quỹ lương của cán bộ trong chỉ tiêu biên chế	
	- Từ ngân sách nhà nước	
	- Từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ	
1.2	Hoạt động bộ máy	
	<i>Cộng kinh phí sự nghiệp khoa học</i>	
	Trong đó: + Vốn trong nước	87.995
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	87.995
	- Kinh phí thực hiện khoán	
	- Kinh phí không thực hiện khoán	87.995
2	Kinh phí thường xuyên	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	TỔNG CỘNG	87.995

✓



**PHÂN BỐ KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA THUỘC QUỸ GEN
CỦA: VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC**

(Kính theo Quyết định số 2626 /QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Mã số, Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện (tháng)	Tổng kinh phí từ NSNN	Kinh phí cấp năm 2016	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A.	Đã có quyết định phê duyệt kinh phí			48.450	15.800	
1	NVQG-2016/03. Khai thác và phát triển nguồn gen trâu Bảo Yên	Viện Chăn nuôi, Bộ NN&PTNT; TS.Nguyễn Công Định	60	4.880	1.500	QĐ phê duyệt kinh phí số 672/QĐ-BKHCN ngày 31/3/2016
2	NVQG-2016/04. Khai thác và phát triển nguồn gen gà Kiến và gà Lạc Thủy	Trung tâm thực nghiệm và bảo tồn vật nuôi, Viện Chăn nuôi, Bộ NN &PTNT; ThS.Nguyễn Thị Mười	48	3.750	1.500	QĐ phê duyệt kinh phí số 672/QĐ-BKHCN ngày 31/3/2016
3	NVQG-2016/05. Khai thác và phát triển nguồn gen cây Bời lời đỏ (<i>Machilus odoratissima</i> Nees) ở miền Trung và Tây Nguyên	Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế - Bộ Giáo dục và Đào tạo. PGS. TS. Đặng Thái Dương	48	5.310	2.000	QĐ phê duyệt kinh phí số 1342/QĐ-BKHCN ngày 27/5/2016
4	NVQG-2016/06. Khai thác và phát triển nguồn gen cây thuốc Sâm tố nữ (<i>Pueraria candollei</i> Grah.ex Benth.var. <i>mirifica</i> Airy Shaw &Suv.) và Ngải đen (<i>Kaempferia parviflora</i> Wall.ex Baker)	Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng, Bộ Khoa học và Công nghệ; PGS. TS. Trần Ngọc Lân	48	5.400	2.000	QĐ phê duyệt kinh phí số 1780/QĐ-BKHCN ngày 29/6/2016



5	NVQG-2016/07. Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen dược liệu Lan gấm (<i>Anoectochilus Formosanus Hayata</i>) tại Thanh Hóa và một số tỉnh Bắc Trung Bộ	Chi cục Lâm nghiệp Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thanh Hóa; ThS. Nguyễn Trọng Quyền	42	4.450	1.500	QĐ phê duyệt kinh phí số 1824/QĐ-BKHHCN ngày 30/6/2016
6	NVQG-2016/08. Khai thác và phát triển nguồn gen lợn Hương	Viện Chăn nuôi, Bộ NN&PTNT; Th.S Phạm Hải Ninh	48	4.200	1.000	QĐ phê duyệt kinh phí số 2010/QĐ-BKHHCN ngày 18/7/2016
7	NVQG-2016/09. Khai thác và phát triển nguồn gen vịt Sín Chéng	Công ty TNHH giống gia cầm Lào Cai; BSTY.Lã Thành Bắc	48	2.700	1.000	QĐ phê duyệt kinh phí số 2035/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2016
8	NVQG-2016/10. Đánh giá tiềm năng di truyền một số nguồn gen rau địa phương họ Bầu bí và Hoa thập tự ở miền Bắc Việt Nam	Trung tâm tài nguyên thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Bộ NN&PT Nông thôn; PGS.TS Lã Tuấn Nghĩa	48	4.500	1.500	QĐ phê duyệt kinh phí số 2036/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2016
9	NVQG-2016/11. Khai thác và phát triển nguồn gen lúa Nàng thơm Chợ Đào tại Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	Trường Đại học Cần Thơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo; PGS.TS Võ Công Thành	48	2.730	800	QĐ phê duyệt kinh phí số 2188/QĐ-BKHHCN ngày 01/8/2016
10	NVQG-2016/12. Khai thác, phát triển nguồn gen lúa nếp địa phương chất lượng cao (Nếp tan nhe, Khẩu nua nướng) phục vụ sản xuất hàng hóa tại miền núi phía Bắc	Trung tâm tài nguyên thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Bộ NN&PT Nông thôn; Th.S. Vũ Linh Chi	48	2.650	700	QĐ phê duyệt kinh phí số 2189/QĐ-BKHHCN ngày 01/8/2016
11	NVQG-2016/13. Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Tre ngọt (<i>Dendrocalamus brandisii</i> (Munro) Kurz) tại một số tỉnh miền núi phía Bắc để lấy măng.	Trung tâm Khoa học lâm nghiệp vùng Trung tâm Bắc Bộ, Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam; TS. Nguyễn Văn Thọ	48	3.930	1.200	QĐ phê duyệt kinh phí số 2276/QĐ-BKHHCN ngày 12/8/2016
12	NVQG-2016/14. Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Trám đen Hoàng Vân (<i>Canarium nigrum Swingle</i>) tại một số tỉnh Trung du miền núi phía Bắc.	Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản, Hội Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam; TS. Hoàng Thanh Lộc	48	3.950	1.100	QĐ phê duyệt kinh phí số 2277/QĐ-BKHHCN ngày 12/8/2016
Tổng cộng				48.450	15.800	





**HÀN BỔ KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỘC LẬP CẤP QUỐC GIA
CỦA: VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 2626 /QĐ-BKHHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Mã số, Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí từ NSNN	Dự toán 2016	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Các nhiệm vụ đã có Quyết định phê duyệt kinh phí				57.845	
1	ĐTĐL.XH-02/16: Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An	PGS.TS. Ưng Đình Khanh, Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	36 tháng (2016-2019)	5.260	1.637	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 2030/QĐ-BKHHCN ngày 20/7/2016</i>
2	ĐTĐL.XH-04/16: Tội phạm có sử dụng bạo lực và phòng, chống tội phạm có sử dụng bạo lực ở Việt Nam hiện nay	PGS.TS. Nguyễn Đắc Hoan Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an	24 tháng (2016-2018)	3.150	850	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 51/QĐ-BKHHCN ngày 30/6/2016</i>
3	ĐTĐL.XH-05/16: Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông của lực lượng Công an nhân dân trên các tuyến đường quốc lộ tại Việt Nam	GS.TS. Nguyễn Văn Nhật Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an	24 tháng (2016-2018)	3.280	1.100	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 51/QĐ-BKHHCN ngày 30/6/2016</i>
4	ĐTĐL.CN-09/16: Nghiên cứu quy trình công nghệ bào chế một số sản phẩm chất lượng cao từ Sâm Ngọc Linh	GS.TS. Nguyễn Minh Đức, Trung tâm ươm tạo và Hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN, Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN, Bộ KH&CN	24 tháng (2016-2018)	9.980	4.520	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 1533/QĐ-BKHHCN ngày 10/6/2016</i>
5	ĐTĐL.CN-12/16: Nghiên cứu thử nghiệm mô hình sản xuất sợi từ cuống lá sen	PGS. TS. Nguyễn Duy Chuyên, Viện Kinh tế sinh thái, Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam	36 tháng (2016-2019)	3.140	1.000	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 1331/QĐ-BKHHCN ngày 26/5/2016</i>

6	ĐTĐL.CN-17/16: Nghiên cứu thiết kế chế tạo và thử nghiệm Hệ thống phòng vệ đoàn tàu tự động kiểu điếm (I-ATP) nâng cao an toàn và năng lực vận tải đường sắt Việt Nam.	ThS. Lê Hồng Minh Viện Ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	24 tháng (2016-2018)	5.600	2.000	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 1758/QĐ-BKHCHN ngày 29/6/2016</i>
7	ĐTĐL.CN-18/16: Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống lạnh sản xuất đá viên và bảo quản thực phẩm sử dụng sức nước phục vụ các khu du lịch miền núi	PGS.TS. Võ Chí Chính Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng năng lượng thay thế, Trường Đại học Bách Khoa-Đại học Đà Nẵng	24 tháng (2016-2018)	3.850	1.200	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 1761/QĐ-BKHCHN ngày 29/6/2016</i>
8	ĐTĐL.CN-19/16: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bức xạ trong sản xuất phân vi sinh vật dạng hạt và phân bón lá	TS. Trần Minh Quỳnh Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN	36 tháng (2016-2019)	3.900	1.500	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 1761/QĐ-BKHCHN ngày 29/6/2016</i>
9	ĐTĐL.CN-20/16: Nghiên cứu, hiện đại hóa hệ thống đồng bộ phao thủy âm cảnh giới ngầm MFC-407	Ths. Đặng Xuân Hải, Nhà máy X56, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng	36 tháng (2016-2019)	23.400	9.050	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 46/QĐ-BKHCHN ngày 28/6/2016</i>
10	ĐTĐL.CN-21/16: Nghiên cứu sản xuất phân bón NPK một hạt sử dụng cho một số cây trồng bằng kỹ thuật tạo hạt dạng tháp cao phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững	KS. Lê Ngọc Trinh, Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Hoàng Long Vina	36 tháng (2016-2019)	12.530	1.935	<i>QĐ kinh phí số 1806/QĐ-BKHCHN ngày 30/6/2016 (Tổng kinh phí: 95.056 trđ, trong đó: NSNN 12.530 trđ; nguồn khác 82.526 trđ)</i>
11	ĐTĐL.CN-22/16: Nghiên cứu công nghệ chế tạo chi tiết gông từ sử dụng cho đầu tự dẫn tên lửa phòng không tầm thấp	TS. Phạm Hồng Tuấn, Viện Ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	30 tháng (2016-2019)	8.500	3.700	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 44/QĐ-BKHCHN ngày 28/6/2016</i>
12	ĐTĐL.CN-23/16: Nghiên cứu thiết kế, chế tạo mô đun thiết bị thu và xử lý tín hiệu thủy lôi APM 354.2014.VN theo mẫu mô đun thiết bị thu và xử lý tín hiệu thủy lôi АПМ của Liên bang Nga lắp cho thân thủy lôi YDM	KS. Bùi Ngọc Lâm Nhà máy X28, Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng	36 tháng (2016-2019)	24.200	10.650	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 45/QĐ-BKHCHN ngày 28/6/2016</i>



13	ĐTĐL.CN-24/16: Nghiên cứu lựa chọn và huấn luyện giống chó bản địa dạng sói phục vụ tìm kiếm, phát hiện bom mìn còn lại sau chiến tranh tại Việt Nam	Ths. Trần Hữu Côi Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Bộ Quốc phòng	48 tháng (2016-2020)	6.675	1.680	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 49/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2016 (Tổng kinh phí: 6.868 trđ, trong đó: NSNN 6.675 trđ; nguồn khác 193</i>
14	ĐTĐL.CN-25/16: Nghiên cứu ứng dụng vật liệu mới trong xây dựng công trình quốc phòng và nâng cấp kháng lực công trình quốc phòng đã có trên quần đảo Trường Sa	GS.TS. Vũ Đình Lợi Viện Kỹ thuật công trình đặc biệt, Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng	36 tháng (2016-2019)	12.000	4.000	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 50/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2016</i>
15	ĐTĐL.CN-26/16: Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, phương pháp chẩn đoán và can thiệp sớm rối loạn tự kỷ ở trẻ em tại cộng đồng	PGS.TS. Bùi Thị Thu Hà Trường Đại học Y tế công cộng, Bộ Y tế	36 tháng (2016-2019)	6.600	2.000	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 1871/QĐ-BKHCN ngày 06/7/2016</i>
16	ĐTĐL.CN.27/16: Nghiên cứu đặc điểm nhân trắc đầu mặt ở người Việt Nam để ứng dụng trong y học	PGS.TS. Trương Mạnh Dũng Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Y tế	36 tháng (2016-2019)	9.640	1.250	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 2059/QĐ-BKHCN ngày 25/7/2016</i>
17	ĐTĐL.CN-28/16: Nghiên cứu công nghệ tích hợp hóa sinh chế biến rượu vang chất lượng cao từ quả điều	TS. Nguyễn Văn Khoa, Viện Công nghệ hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	30 tháng (2016-2019)	3.700	1.055	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 2116/QĐ-BKHCN ngày 26/7/2016</i>
18	ĐTĐL.CN-29/16: Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị phân tử phục vụ giám định, khai thác và phát triển sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i>)	TS. Lê Hùng Lĩnh, Trung tâm ươm tạo và Hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN, Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN, Bộ KH&CN	30 tháng (2016-2019)	5.850	2.300	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 2058/QĐ-BKHCN ngày 25/7/2016</i>
19	ĐTĐL.CN-30/16: Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và giải pháp khai thác hợp lý, bảo vệ nguồn lợi hải sản vùng biển Quảng Nam và lân cận.	TS. Trần Đức Phú Trường Đại học Nha Trang, Bộ Giáo dục và Đào tạo	36 tháng (2016-2019)	6.100	2.000	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 2095/QĐ-BKHCN ngày 26/7/2016 (Tổng kinh phí: 6.285 trđ, trong đó: NSNN 6.100 trđ; nguồn khác 185 trđ)</i>

20	ĐTĐL.CN-32/16: Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị tự động hàn cầu máng cào, ứng dụng trong công nghiệp khai thác than	ThS. Ngô Xuân Cường, Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ hàn và Xử lý bề mặt, Viện Nghiên cứu cơ khí - Bộ Công Thương	30 tháng (2016-2019)	6.540	2.418	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 2119/QĐ-BKHHCN ngày 26/7/2016 (Tổng kinh phí: 8.540 trđ, trong đó: NSNN 6.540 trđ; nguồn khác 2.000 trđ)</i>
21	DADL.CN-03/16: Sản xuất thử nghiệm chế phẩm axit gamma amino butyric (GABA) và thực phẩm chức năng giàu GABA từ gạo lứt, đậu tương	TS. Trương Hương Lan, Viện Công nghiệp thực phẩm - Bộ Công Thương	24 tháng (2016-2018)	4.700	2.000	<i>Quyết định phê duyệt kinh phí số 2120/QĐ-BKHHCN ngày 26/7/2016 (Tổng kinh phí: 16.000 trđ, trong đó: NSNN 4.700 trđ; nguồn khác 11.300 trđ)</i>
Cộng				168.595	57.845	

www.LuatVietnam.vn



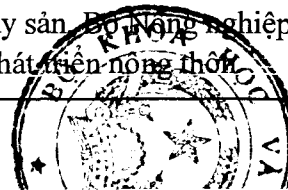


**PHẦN BỐ KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020**

PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 26.26 /QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Mã số	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Chủ nhiệm, Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Dự toán năm 2016	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7
Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng”, mã số KC.05/16-20							
1	KC.05.01/16-20	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị chiếu xạ gamma dùng nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	TS. Nghiêm Xuân Khánh, Trung tâm đánh giá không phá hủy, Bộ Khoa học và Công nghệ	2016-2019	4.000	2.950	
2	KC.05.02/16-20	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo động cơ điện tiết kiệm năng lượng sử dụng vật liệu có mật độ từ cảm cao.	TS. Bùi Minh Định, Viện Điện, Trường đại học Bách Khoa Hà Nội	2016-2018	4.950	1.800	
Chương trình “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai”, mã số KC.08/16-20							
3	KC.08.01/16-20	Nghiên cứu xây dựng hệ thống nghiệp vụ dự báo khí hậu hạn mùa cho Việt Nam bằng các mô hình động lực.	TS. Mai Văn Khiêm, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường	2016-2019	5.300	1.500	
4	KC.08.02/16-20	Nghiên cứu đánh giá rủi ro đa thiên tai và thiệt hại đối với nuôi trồng thủy sản khu vực ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đề xuất các giải pháp chính sách chia sẻ rủi ro đa thiên tai.	ThS. Nguyễn Xuân Trịnh, Trung tâm tư vấn và Quy hoạch phát triển thủy sản, Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016-2019	4.950	700	



5	KC.08.03/16-20	Nghiên cứu đánh giá rủi ro ngập lũ tại các ngàm tràn khu vực miền Trung và đề xuất hệ thống cảnh báo sớm.	ThS. Trần Minh Thái, Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực sông biển, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016-2019	4.750	900	
6	KC.08.04/16-20	Nghiên cứu biến động nguồn nước thượng lưu, điều kiện khí hậu cực đoan ở ĐBSCL và đề xuất các giải pháp chuyển đổi cơ cấu sản xuất.	ThS. Trần Minh Tuấn, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016-2019	6.100	1.000	
Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng”, mã số KC.10/16-20							
7	KC.10.01/16-20	Nghiên cứu bào chế viên nang chứa hoạt chất Huperzine A được tách chiết từ một số chủng nấm phân lập từ cây Thạch tùng răng cưa (<i>Huperzia serrata</i>)	TS. Lê Thị Minh Thành, Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2016-2019	4.250	1500	
8	KC.10.DA01/16-20	Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất kim luân tĩnh mạch quy mô công nghiệp.	KS. Đào Thượng Quân, Công ty TNHH MTV Nhà máy United Healthcare	2016-2018	7.630	2500	
Chương trình “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”, mã số: KX.01/16-20							
9	KX.01.07/16-20	Chính sách quản lý di động xã hội đối với nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	TS. Đào Thanh Trường, Viện Chính sách và quản lý thuộc Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn	2016-2017	3.500	1.500	
TỔNG CỘNG					45.430	14.350	

✓

